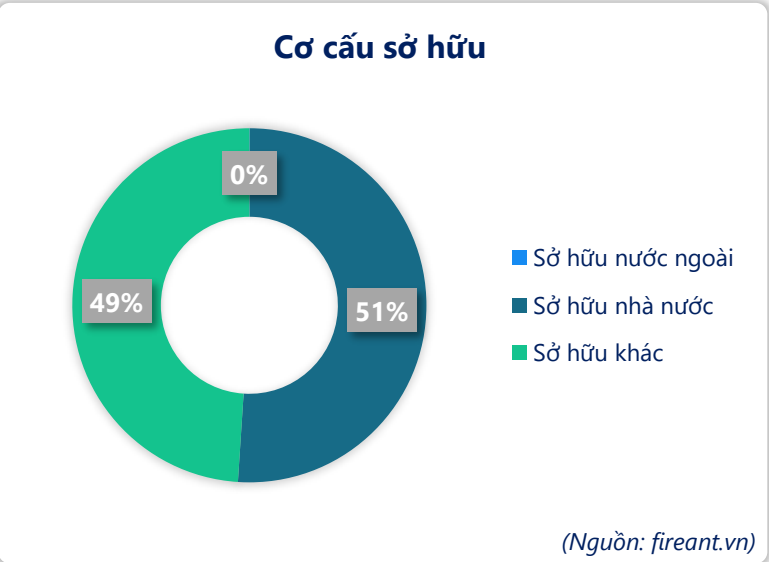
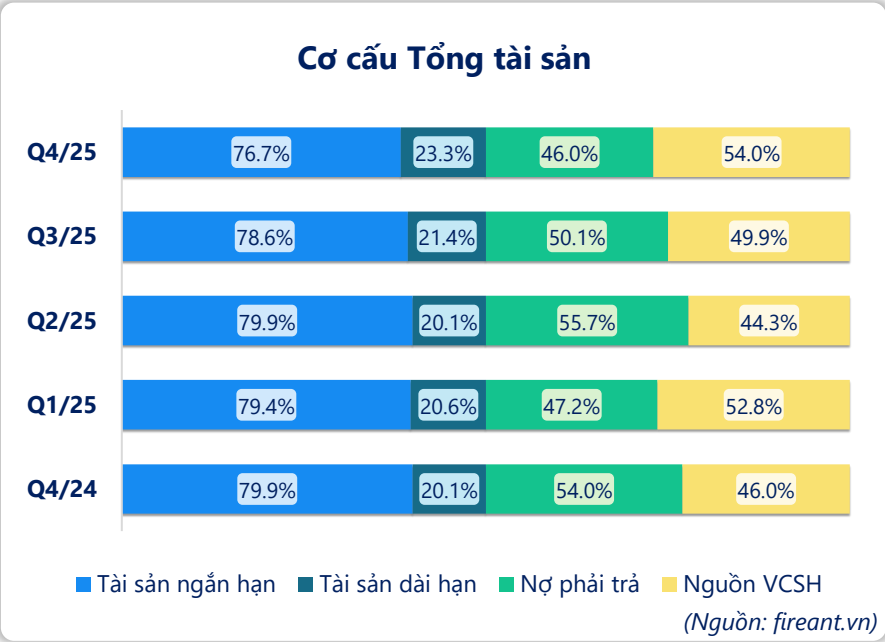
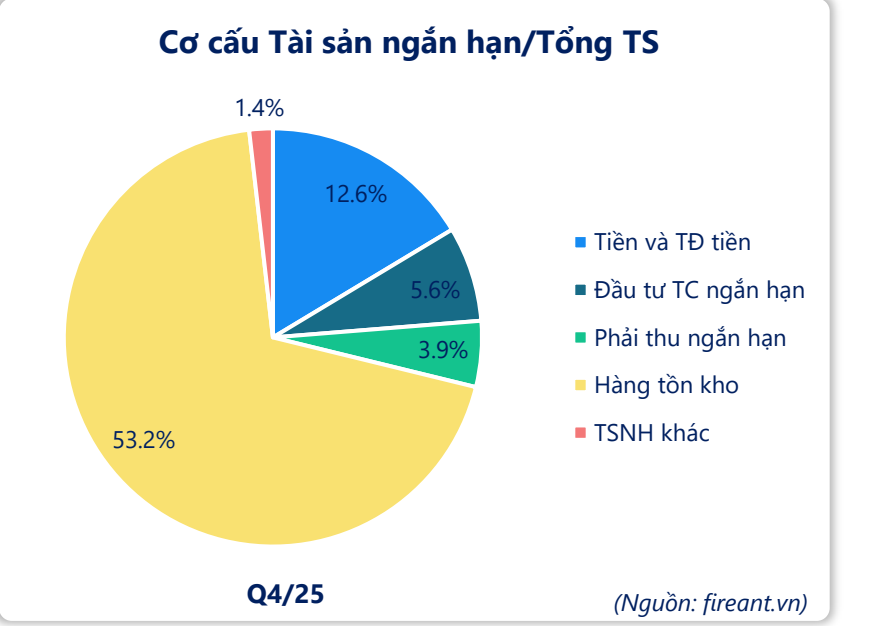
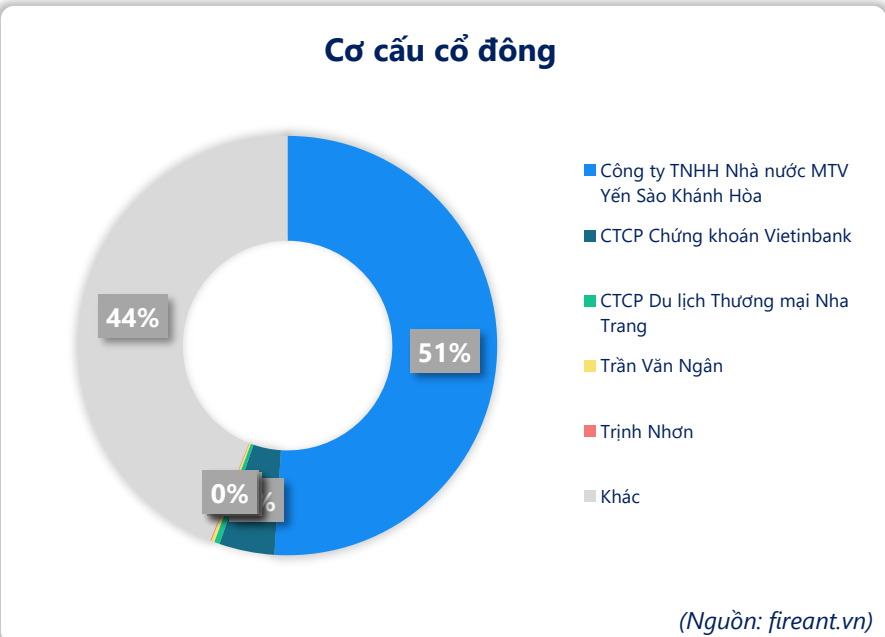
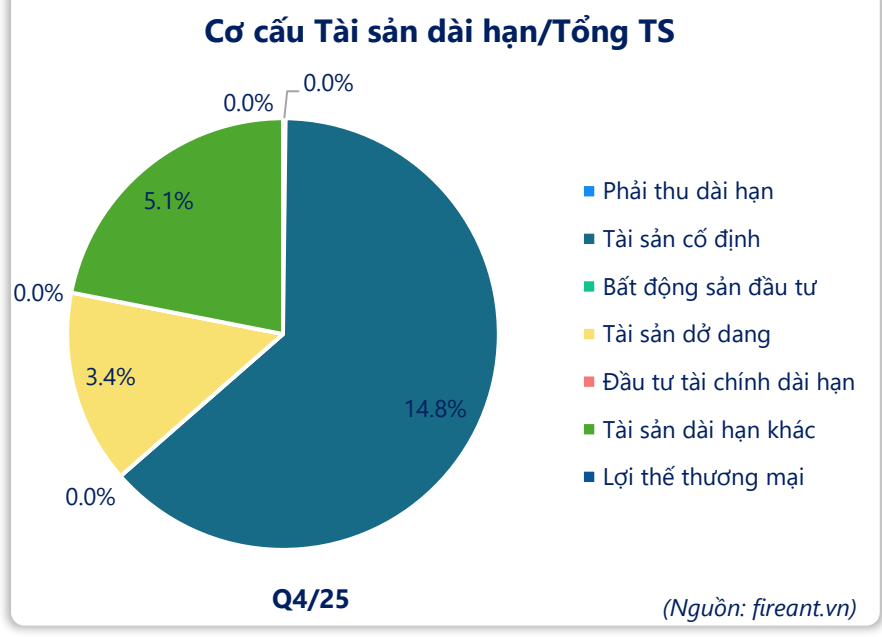
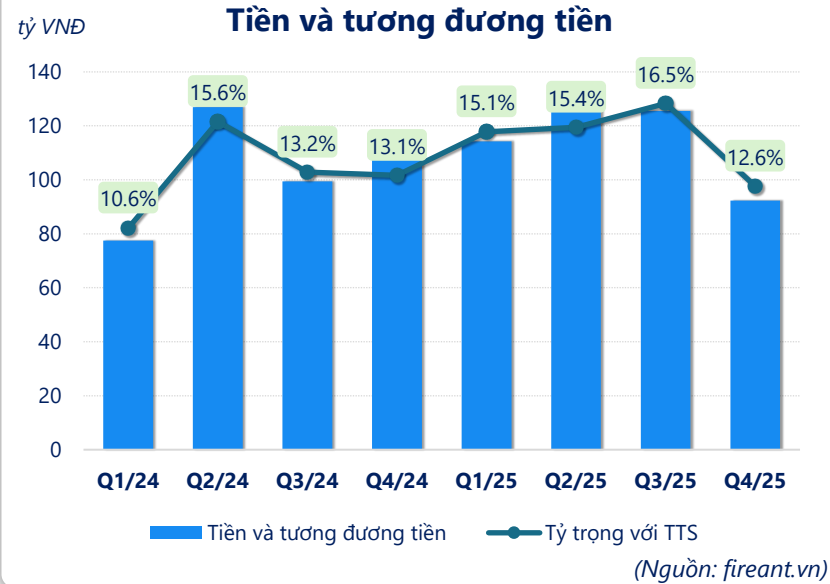
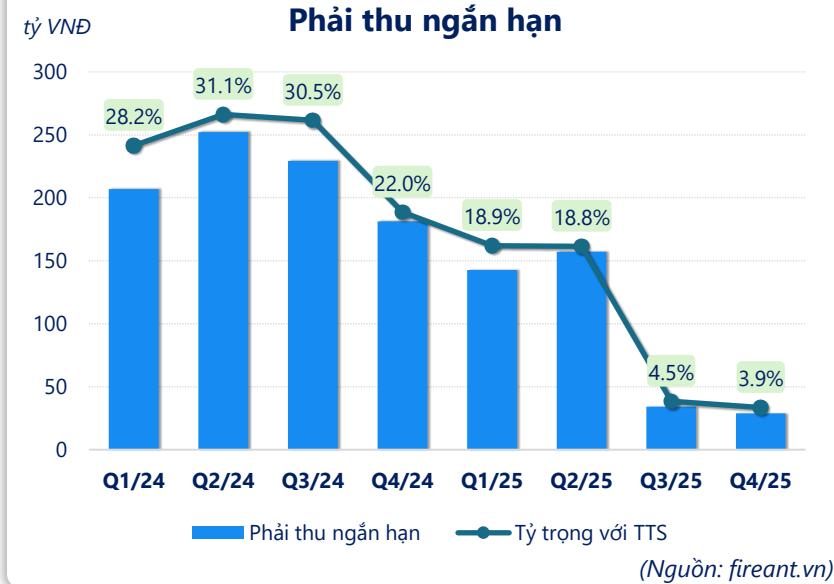
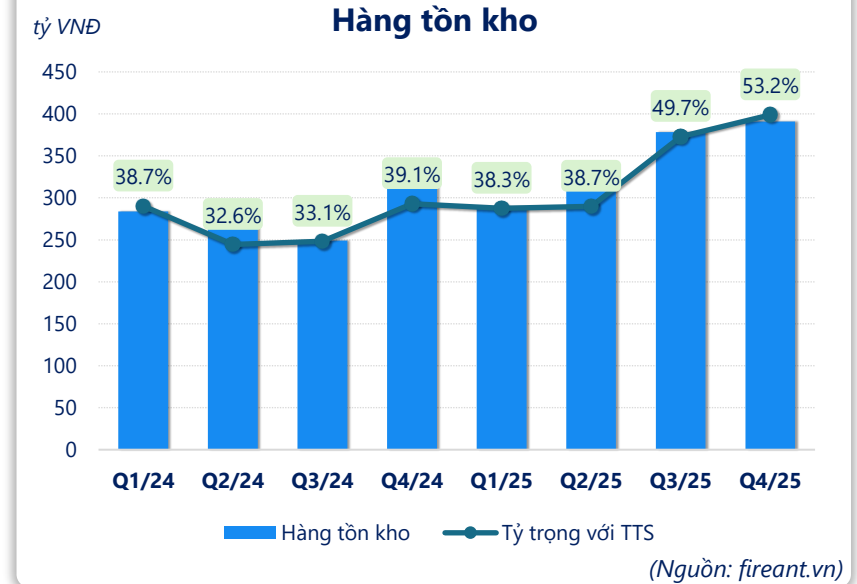
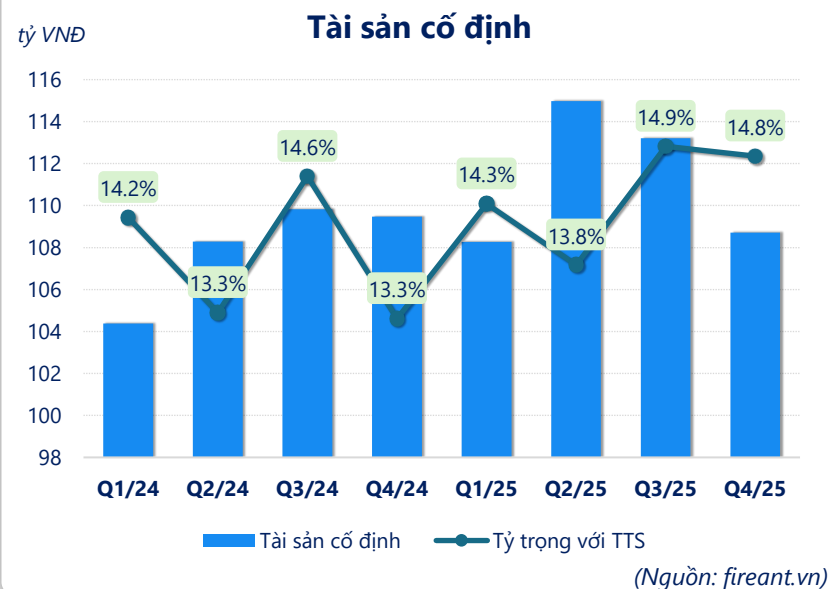
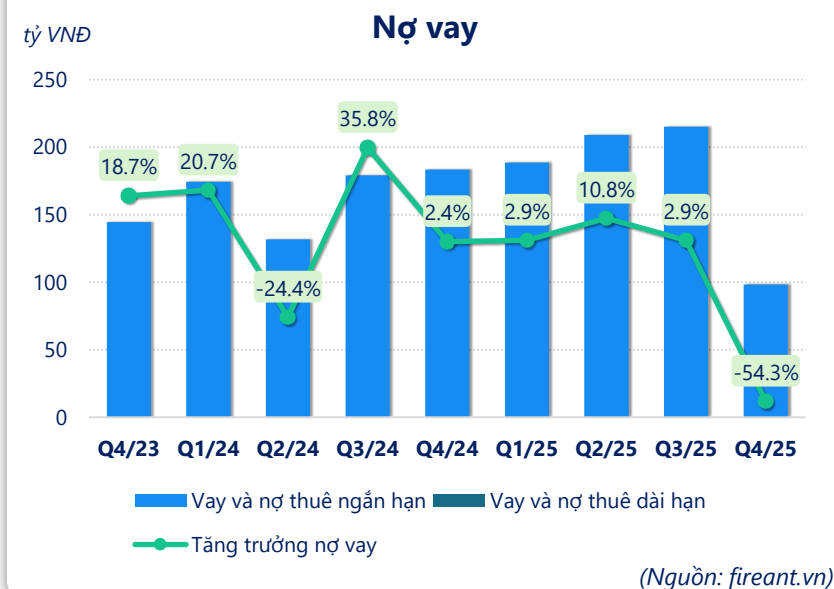
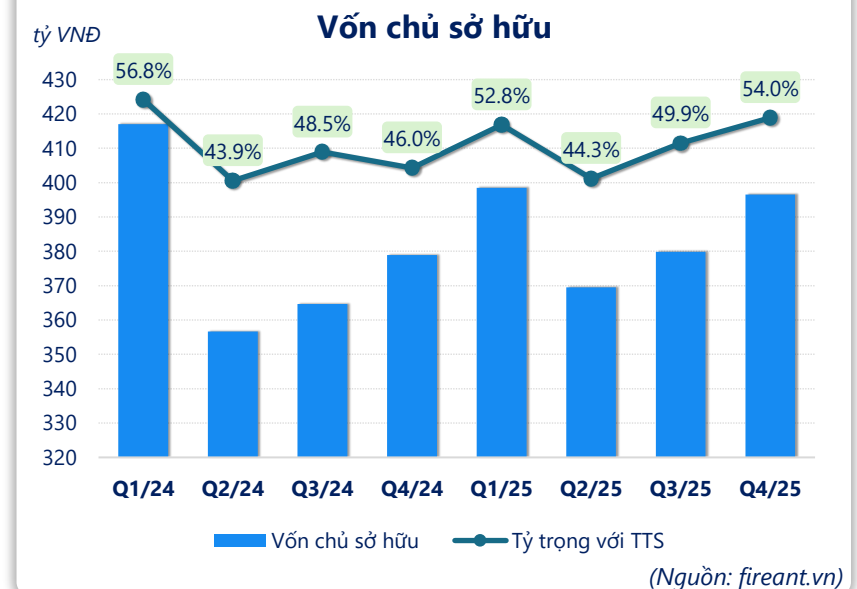
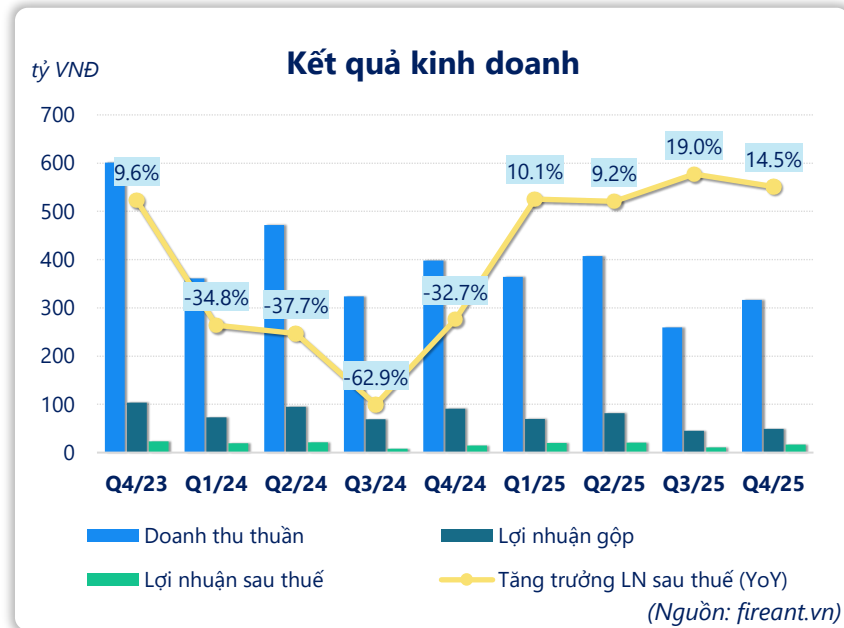
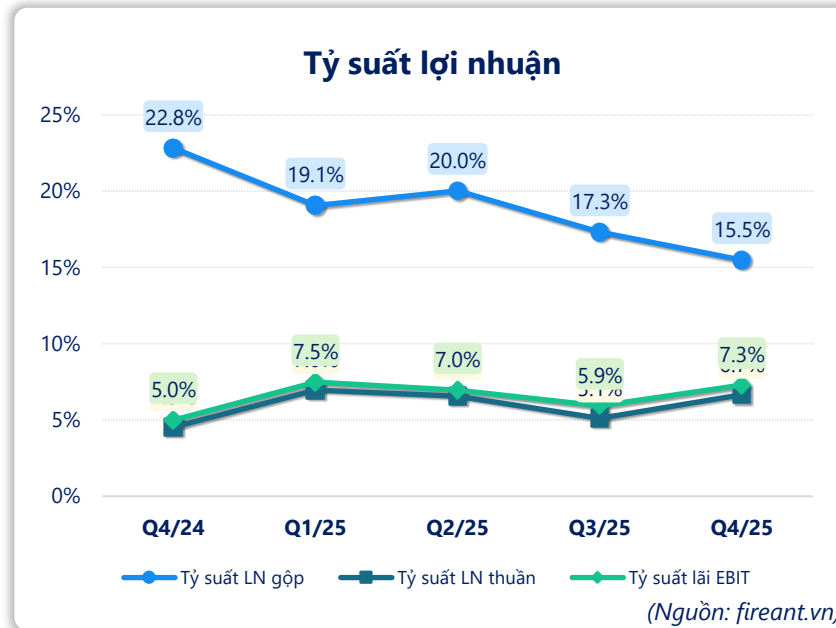
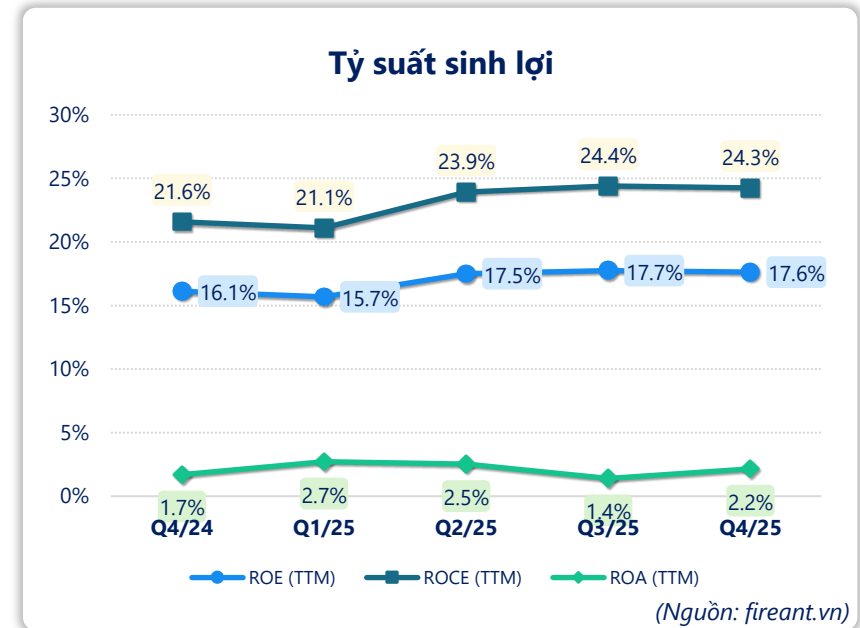
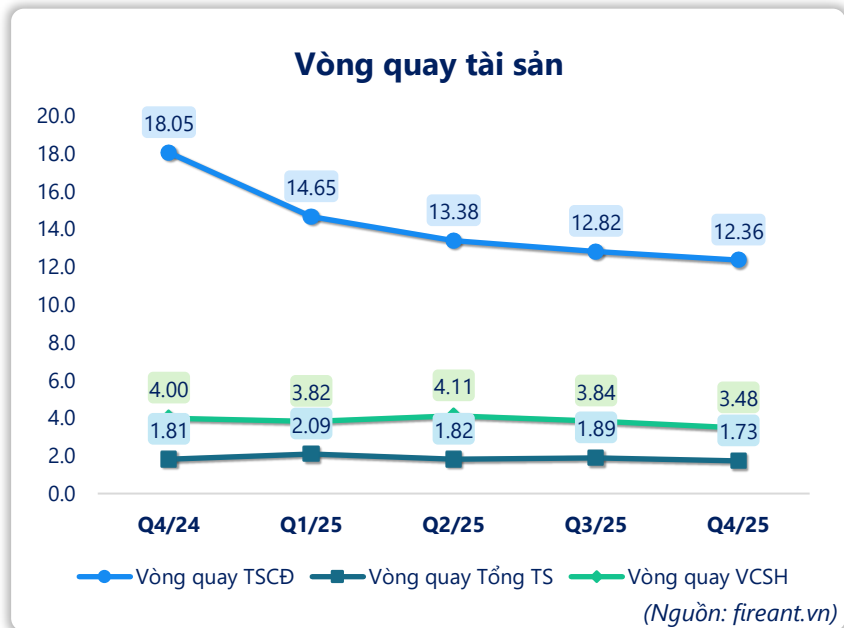
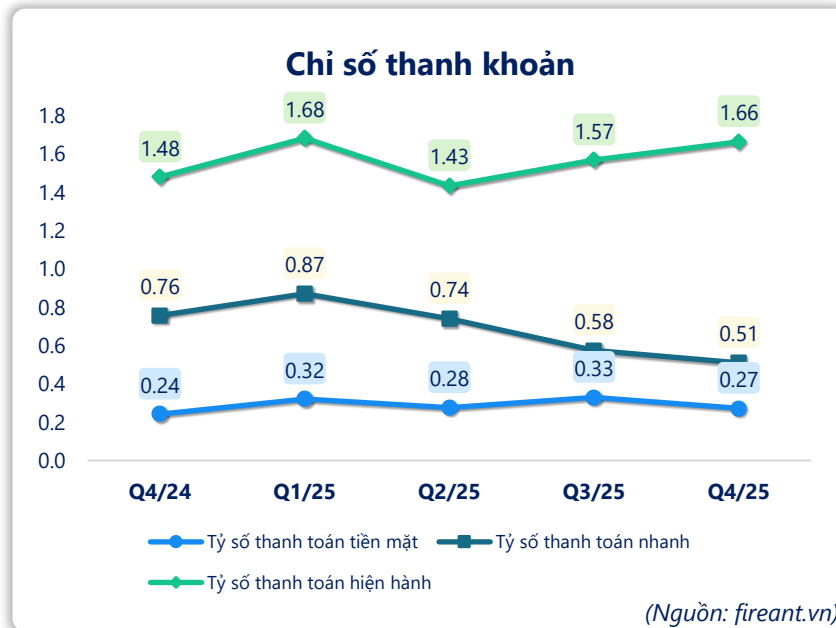
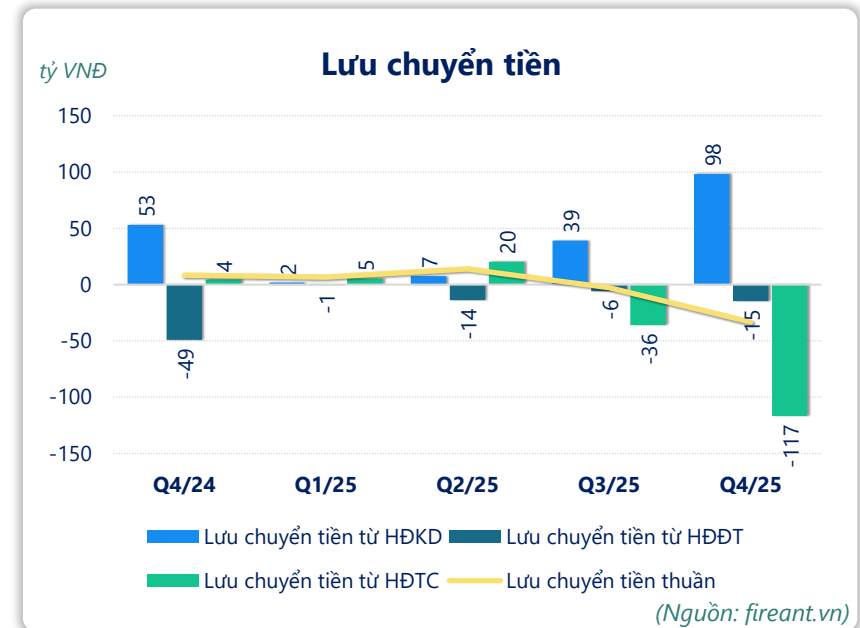


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		26,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		31,138
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		26,000
SL cổ phiếu LH		23,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,070
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		610
P/E		8.9
EPS		2,971

	YTD	1T	3T	6T
SKV	-11.4%	-1.9%	-7.0%	-11.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	735	823	-10.7%
Tài sản ngắn hạn	563	659	-14.5%
Tiền và tương đương tiền	92.3	108	-14.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.4	39.6	4.5%
Phải thu ngắn hạn	28.7	181	-84.2%
Hàng tồn kho	391	322	21.4%
Tài sản ngắn hạn khác	10.3	8.24	24.5%
Tài sản dài hạn	172	164	4.5%
Phải thu dài hạn	0.33	0.34	-2.1%
Tài sản cố định	109	113	-3.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	24.9	0.23	10816%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	37.6	50.7	-25.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	338	444	-23.9%
Nợ ngắn hạn	338	444	-23.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	98.3	183	-46.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	144	166	-12.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	397	379	4.7%
Vốn chủ sở hữu	397	379	4.7%
Vốn điều lệ	230	230	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.00	0.00	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	398	364	408	260	317
Giá vốn hàng bán	307	295	326	215	268
Lợi nhuận gộp	90.8	69.5	81.6	44.9	49.0
Doanh thu HĐTC	1.22	0.44	1.36	0.53	1.92
Chi phí TC	1.81	1.92	2.43	2.16	2.04
Chi phí lãi vay	1.41	1.82	1.77	2.16	1.81
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	52.6	27.0	36.8	17.7	14.8
Chi phí QLDN	19.6	15.6	17.0	12.4	13.1
LN thuần từ HĐKD	18.0	25.4	26.7	13.2	21.1
Lợi nhuận khác	0.42	0.08	-0.12	-0.01	0.18
LN trước thuế	18.4	25.4	26.6	13.2	21.3
Lợi nhuận sau thuế	14.6	20.2	20.7	10.6	16.8
LNST của CĐ cty mẹ	14.6	20.2	20.7	10.6	16.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	53.1	1.79	7.44	39.0	98.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-49.1	-0.53	-13.8	-5.75	-14.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.31	5.35	20.3	-36.0	-117
Tiền đầu kỳ	99.4	108	114	128	125
Lưu chuyển tiền thuần	8.24	6.61	13.9	-2.67	-33.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.01
Tiền cuối kỳ	108	114	128	125	92.3

(Nguồn: fireant.vn)